

1. Phần quan trọng nhất của hệ điều hành Linux là:
 - a. File System
 - b. Services
 - c. Kernel
 - d. Shell

2. Số phiên bản kernel của Linux có gì đặc biệt
 - a. Số chẵn là phiên bản ổn định
 - b. Số lẻ là phiên bản thử nghiệm
 - c. Không quan trọng
 - d. Câu a và b đúng

3. Khi cài RedHat Linux ở chế độ nào thì các partion DOS bị xoá hết
 - a. Workstation
 - b. Server
 - c. Workstation and Server
 - d. Không cái nào đúng

4. Kiến trúc Kernel Linux là :
 - a. Static
 - b. Microkernel
 - c. Distributed
 - d. Monolithic

5. Tác giả của phiên bản hệ điều hành Linux đầu tiên là ?
 - a. Bill Gates
 - b. Linus Tolvarids
 - c. Alan Turing
 - d. Pascal

6. Để liệt kê các file có trong thư mục hiện hành ta dùng lệnh:
 - a. lệnh ls
 - b. lệnh df
 - c. lệnh du
 - d. lệnh cp

7. Để liệt kê đầy đủ thông tin của các file có trong thư mục hiện hành theo ta dùng lệnh ls với tham số
 - a. -a
 - b. -l
 - c. -x
 - d. -n

8. Để liệt kê các file ẩn trong thư mục hiện hành theo ta dùng lệnh ls với tham số
 - a. -b
 - b. -a
 - c. -l
 - d. -n

9. Để chuyển sang một thư mục khác ta dùng lệnh
 - a. Lệnh cdir
 - b. Lệnh cd
 - c. Lệnh mkdir

d. Lệnh dir

10. Một user có username là sinhvien và home directory của anh ta là /home/sinhvien. Để trở về home dir của anh ta 1 cách nhanh nhất, anh ta phải dùng lệnh

- a. cd
- b. cd /home/sinhvien
- c. cd / ; cd home ; cd sinhvien
- d. cd /home/sinhvien

11. Để chép một file /tmp/hello.txt vào thư mục /tmp/hello/ ta phải làm lệnh nào sau đây:

- a. copy /tmp/hello.txt /tmp/hello/
- b. cp tmp/hello.txt /tmp/hello
- c. cp /tmp/hello /tmp/hello
- d. cp /tmp/hello.txt /tmp/hello

12. Để xem nội dung một tập tin văn bản trong Linux ta có thể dùng lệnh nào sau đây

- a. cat
- b. less
- c. more
- d. cả 3 lệnh trên

13. Để đọc nội dung một đĩa CD trong Linux ta phải làm thế nào ?

- a. Phải mount trước
- b. eject cdrom
- c. cd /mnt/cdrom
- d. Không đọc được CD rom

14. Làm thế nào để đọc một đĩa mềm trong Linux

- a. mount /dev/fd0
- b. mount /dev/cdrom
- c. Không cần làm gì cả, chỉ việc đọc từ ổ a:

15. Tập tin nào chứa các mount point mặc định khi hệ thống boot lên:

- a. /etc/mstab
- b. /etc/mount.conf
- c. /etc/fstab
- d. /etc/modules.conf

16. Tập tin nào chứa thông tin các file system đang được mount

- a. /etc/mntab
- b. /etc/mount.conf
- c. /etc/fstab
- d. /etc/modules.conf

17. Tập tin sau đây có thuộc tính như thế nào :

-rwx--x--x hello.sh

- a. 077
- b. 644
- c. 755
- d. 711

18. Để thiết lập thuộc tính cho một tập tin hello.sh với các yêu cầu sau:
- Chủ sở hữu được quyền đọc ghi, nhóm được đọc, other chỉ đọc thì ta làm lệnh nào dưới đây.

- a. chmod 665
- b. chmod 654
- c. chmod 653
- d. chmod 754

19. Tập tin có dấu chấm "." Phía trước có đặc tính gì đặc biệt:
Ví dụ: .hello.txt

- a. Tập tin ẩn
- b. Thực thi
- c. Không thấy được với lệnh ls

20. Lệnh nào cho phép ta tạo một account user mới trên hệ thống

- a. Lệnh adduser
- b. Lệnh useradd
- c. lệnh passwd
- d. Câu a và b đúng

21. Sau khi đánh lệnh useradd sinhvien. Hỏi user có account là sinhvien có thể login vào hệ thống được chưa ?

- a. Được
- b. Không

22. Tập tin /etc/passwd chứa thông tin gì của users hệ thống

- a. Chứa profile của người dùng
- b. Chứa uid,gid, home directory, shell
- c. Chứa password của người dùng
- d. Chứa tập shadow của người dùng

23. Tập tin /etc/shadow chứa thông tin gì của users hệ thống

- a. Chứa profile của người dùng
- b. Chứa uid,gid, home directory, shell
- c. Chứa password của người dùng
- d. Chứa login name

24. Trong hệ thống Linux user nào có quyền cao nhất

- a. User administrator
- b. User root
- c. User admin
- d. User có UID=0

25. Hệ thống Linux có mấy Run Level chính

- a. Có 7 Run Level
- b. Có 6 Run Level
- c. Có 5 Run Level
- d. Có 4 Run Level

26. Run level nào là shutdown và halt hệ thống

- a. Level 6
- b. Level 0
- c. Level 3
- d. Level 5

27. Run level nào là reboot hệ thống
- Level 6
 - Level 0
 - Level 3
 - Level 5
28. Run level nào làm hệ thống chạy full mode with X window
- Level 6
 - Level 0
 - Level 3
 - Level 5
29. Ở run level nào hệ thống không đòi hỏi ta phải nhập username password để login
- Level 1
 - Level 3
 - Level 5
 - Không có level nào
30. Chương trình soạn thảo văn bản nào là phổ biến nhất trong hđh Linux:
- vi
 - Word
 - Emacs
 - Pico
31. Chương trình soạn thảo nào sau đây không sử dụng giao diện đồ hoạ
- emacs
 - latex
 - vi
 - keyword
32. Emacs là một chương trình
- soạn thảo văn bản
 - Công cụ lập trình
 - Email client
 - Tất cả các tính năng trên
33. Trong vi, để vào mode edit insert ta phải dùng lệnh nào :
- Dùng phím F4
 - ESC-:i
 - ESC-:q
 - ESC-:x
34. Trong vi, để thoát không cần hỏi lại ta phải dùng lệnh nào :
- ESC-:q!
 - ESC-wq
 - ESC-w!
 - ESC-!
35. Để xem các tiến trình hiện có trong hệ thống Linux ta dùng lệnh nào
- Lệnh ls
 - Lệnh ps
 - Lệnh cs

d. Lệnh ds

36. Để xem chi tiết các tiến trình đang chạy trong hệ thống ta dùng lệnh ps với các tham số nào sau đây

- a. -ef
- b. -ax
- c. -axf
- d. Cả 3 câu đều đúng

37. Mỗi tiến trình chạy trong hệ thống Linux được đặc trưng bởi :

- a. PID
- b. PUID
- c. PGUID
- d. GUID

38. Tham số PPIUD dùng để chỉ:

- a. Properly process ID
- b. Parent process ID
- c. Papa Process ID
- d. Không cái nào đúng

39. Để dừng một tiến trình ta dùng lệnh nào :

- a. stop
- b. kill
- c. shutdown
- d. halt

40. Điều gì xảy ra với một tiến trình khi ta kill tiến trình cha của nó

- a. Không có gì ảnh hưởng
- b. Tiến trình con sẽ chết theo
- c. Chương trình sẽ đọc lại file cấu hình
- d. Sẽ có một tiến trình con mới sinh ra

41. Để kill hết các tiến trình có tên là vi ta dùng lệnh nào

- a. kill -9 vi
- b. kill -HUP vi
- c. killall -HUP vi
- d. killall -9 vi

42. Để thiết lập địa chỉ IP cho một máy Linux ta sử dụng lệnh nào trong các lệnh sau đây

- a. ipconfig
- b. ifconfig
- c. netstat
- d. route

43. Để xem trạng thái các port đang mở của một máy Linux ta sử dụng lệnh nào trong các lệnh sau đây

- a. ipconfig
- b. ifconfig
- c. netstat
- d. route

44. Để xem các thông tin về bảng routing trong hệ thống Linux ta sử dụng lệnh nào trong các lệnh sau đây

- a. ifconfig
- b. netstat -nr
- c. route -n
- d. b và c đúng

45. Để thiết lập địa chỉ IP cho card mạng eth0 dùng lệnh ifconfig, ta phải thực hiện lệnh nào sau đây

- a. ifconfig eth0 172.16.10.11/ 255.255.255.0
- b. ifconfig eth0 172.16.10.11 netmask 255.255.255.0
- c. ifconfig eth0 172.16.10.11 mask 255.255.255.0
- d. ifconfig eth0 172.16.10.11 mask 255.255.255.0

46. Để tạm thời stop một card mạng ta dùng lệnh nào

- a. ifconfig eth0 up
- b. ifconfig eth0 stop
- c. ifconfig eth0 start
- d. ifconfig eth0 down

47. Giả sử ta muốn thêm vào bảng routing một con đường mới: qua mạng 192.168.10.0/24 thì phải qua gateway 172.16.10.140 ta làm cách nào:

- a. route add -net 192.168.10.0 netmask 255.255.255.0 gw 172.16.10.140
- b. route add -net 192.168.10.0 mask 255.255.255.0 gw 172.16.10.140 netmask 255.255.255.0
- c. route add -net 192.168.10.0/25 gw 172.16.10.140
- d. route add -net 192.168.10.0 netmask 255.255.255.0 gw 172.16.10.0

48. Khai báo default gw 172.16.8.2 cho 1 máy Linux sử dụng làm lệnh nào:

- a. route add -net default gw 172.16.8.2
- b. route add -net 0.0.0.0 netmask 0.0.0.0 gw 172.16.8.2
- c. route add -net 0.0.0.0 netmask 255.255.255.255 gw 172.16.8.2
- d. Câu a và b đúng

49. Để xem tải của hệ thống Linux ta dùng lệnh nào

- a. Lệnh top
- b. Lệnh free
- c. Lệnh performance
- d. Không thể biết

50. Tập tin nào trong Linux định nghĩa các port cho các dịch vụ chạy trong nó

- a. /etc/service
- b. /etc/services
- c. /etc/ports.conf
- d. /etc/httpd.conf

51. Dịch vụ SMTP chạy ở port nào

- a. 22
- b. 23
- c. 24
- d. 25

52. Dịch vụ www chạy ở port nào

- a. 53

- b. 80
- c. 110
- d. 443

53. Dịch vụ nào cho phép ta truyền file qua mạng

- a. http
- b. ftp
- c. uucp
- d. mc

54. Làm thế nào để login từ xa qua mạng vào một máy Linux

- a. Dùng telnet
- b. Dùng ssh
- c. Dùng rlogin
- d. Cả 3 cách trên

55. Dịch vụ SSH trong Linux là gì ?

- a. Secure Socket Shell
- b. Secure Shell
- c. Samba Shell
- d. Không là dịch vụ gì cả

56. Lệnh nào dùng để cài đặt gói phần mềm "packagename.rpm"?

- a. rpm -evh packagename.rpm
- b. rpm -ivh packagename.rpm
- c. rpm -q packagename.rpm
- d. rpm -qa *.rpm

57. Để thay đổi các lựa chọn gắn kết (mount) tự động cho một hệ thống tập tin cục bộ, ta cần sửa đổi nội dung tập tin nào?

- a. /etc/filesystems
- b. /etc/fstab
- c. /etc/group
- d. /etc/mnttab

58. Trong dịch vụ httpd (Apache), để xây dựng "máy Web ảo", ta cần chỉ khối dẫn nào?

- a. Directory
- b. VirtualMachine
- c. VirtualHost
- d. Tất cả đều sai

59. Để thay đổi tên đăng nhập của tài khoản "user" thành "newuser", ta dùng lệnh?

- a. userchange -name newuser user
- b. passwd -n newuser user
- c. usermode -l newuser user
- d. usermode -m user newuser

60. Để chỉ liệt kê danh sách các tập tin có ký tự cuối cùng trong tên là "?" ở thư mục hiện hành, ta dùng lệnh?

- a. ls *?
- b. ls*\?
- c. ls *[?]

d. Tất cả đều sai

61. Tập tin nào chứa ánh xạ tên-địa chỉ IP cục bộ?

- a. /etc/host.conf
- b. /etc/hosts
- c. /etc/resolv.conf
- d. /etc/named.conf

62. Lệnh nào được sử dụng để cho người dùng thiết lập lịch của riêng họ?

- a. vi ~/.crontab
- b. cp /etc/crontab
- c. crontab -v
- d. crontab -e

63. Để chép nội dung file1 vào cuối file2, sử dụng lệnh?

- a. cat file1 file2
- b. more file1 2> file2
- c. cat file1 >> file2
- d. copy file1 >> file2

64. Lệnh nào để biết đầy đủ đường dẫn của thư mục hiện hành?

- a. pwd
- b. path
- c. echo path
- d. Không câu nào đúng

65. Để thực hiện phân giải ngược cho các máy thuộc mạng 192.168.20.0, ta cần định nghĩa zone có tên?

- a. 192.168.20.in-addr.arpa
- b. 192.168.20.0.in-addr.arpa
- c. 20.168.192.in-addr.arpa
- d. Tất cả đều đúng

66. Để hủy bỏ lệnh đang thi hành, ta thực hiện:

- a. Nhấn Ctrl + C
- b. Nhấn Ctrl + D
- c. Nhấn Ctrl + Z
- d. Nhấn Ctrl + S

67. Để xem nội dung của tập tin văn bản, ta dùng lệnh:

- a. more
- b. less
- c. cat
- d. Tất cả đều đúng

68. Để tạo tập tin "new" chứa nội dung của hai tập tin "data" và "odd", ta dùng lệnh:

- a. cp data odd > new
- b. cp data odd >> new
- c. cat data odd > new
- d. Tất cả đều đúng

69. "/doc" là một thư mục, lệnh nào sai trong các lệnh dưới đây?

- a. ln -s /doc mydoc

- b. ln /doc mydoc
- c. rm -rf /doc
- d. cp -s /doc mydoc

70. Để xem hướng dẫn cách dùng lệnh ls, ta thực hiện lệnh:

- a. help ls
- b. list ls
- c. man ls
- d. doc ls

71. Lệnh nào để xóa tập tin có tên là "-abc"

- a. rm -f -abc
- b. rm -i -abc
- c. rm -- -abc
- d. rm \ -abc

72. Lệnh nào tương đương với lệnh sau "mkdir -p /file/doc/priv"?

- a. mkdir -parent /priv/doc/file
- b. mkdir /file /doc /priv
- c. mkdir /priv /doc /file
- d. mkdir -p /priv/doc/file

73. Trong trình soạn thảo vi, lệnh nào dùng để ghi và thoát?

- a. wq
- b. wq!
- c. :wq
- d. :qw

74. Lệnh nào tương đương với lệnh sau "chmod u+rwx,g=rx,o-rwx myfile"

- a. chmod 027 myfile
- b. chmod 757 myfile
- c. chmod 750 myfile
- d. Không câu nào đúng

75. Để chuyển về thư mục chủ của người dùng hiện hành, ta dùng lệnh?

- a. pwd
- b. cd ~
- c. cd ..
- d. cd /home

76. Trong RedHat Linux, tên tài khoản người dùng:

- a. Là duy nhất
- b. Phân biệt chữ thường với chữ hoa
- c. Không được bắt đầu bằng một ký số
- d. Tất cả đều đúng

77. Tập tin nào chứa khai báo địa chỉ máy chủ DNS?

- a. /etc/named
- b. /etc/resolv.conf
- c. /etc/sysconfig/resolv.conf

78. Lệnh nào tương đương với lệnh sau "chown sales myfile"

- a. chown sales:sales myfile

- b. chgroup sales:sales myfile
- c. chgrp sales myfile
- d. chmod sales myfile

79. Tập tin /etc/sysconfig/network có chứa thông tin về:

- a. Tên máy tính và default gateway
- b. Các thiết bị được sử dụng để kết nối mạng
- c. Các script dùng trong kết nối PPP và SLIP
- d. Trạng thái của mạng

80. Để khóa tài khoản "user", ta dùng lệnh?

- a. usermod -L user
- b. passwd -l user
- c. A và B đều sai
- d. A và B đều đúng

81. Tiến trình init:

- a. Luôn có PID = 1;
- b. Không thể kết thúc được
- c. Gọi khởi động các tiến trình khác
- d. Tất cả đều đúng

82. Tập tin nào được sử dụng để thay đổi mức thi hành mặc định (default runlevel)?

- a. /etc/grub.conf
- b. /etc/runlevel
- c. /etc/inittab
- d. /etc/init.conf

83. Trong trình soạn thảo vi, để chuyển về chế độ lệnh, ta nhấn:

- a. ESC
- b. INS
- c. Ctrl + Shift
- d. Tất cả đều sai

84. Có thể tạo một Symbolic Link chỉ tới một tập tin không tồn tại hay không?

- a. Có
- b. Không
- c. Tùy trường hợp
- d. Tất cả đều sai

85. Tập tin script nào chứa khai báo định tuyến?

- a. /etc/sysconfig/network
- b. /etc/sysconfig/route
- c. /etc/sysconfig/static-routes
- d. /etc/sysconfig/network-scripts/routes

86. Khi tạo một tài khoản người dùng, thông tin nào bắt buộc phải được cung cấp?

- a. Tên đầy đủ (Full Name)
- b. Tên đăng nhập
- c. Mã nhận diện tài khoản (UID)
- d. Shell

87. Nếu muốn xem "crond" được cấu hình để khởi động ở mức thi hành (runlevel)

nào, ta thi hành lệnh?

- a. `chkconfig -list -crond`
- b. `chkconfig -l crond`
- c. `chkconfig --list crond`
- d. `chkconfig crond`

88. "/xyz" là một symbolic link của "/tmp/dir", lệnh nào sau đây cho phép ta chuyển vào thư mục "/tmp/dir"?

- a. `cd -L /xyz`
- b. `cd -P /xyz`
- c. `cd /xyz`
- d. Tất cả đều sai

89. Để bật ngay lập tức chức năng chuyển gói tin (IP Forward), ta thực hiện:

- a. Sửa nội dung tập tin "/etc/sysctl.conf"
- b. Thi hành lệnh `echo 1 > /proc/sys/net/ipv4/ip_forward`
- c. Thi hành lệnh `echo 1 > net.ipv4.ip_forward`
- d. Thi hành lệnh `./proc/sys/net/ipv4/ip_forward=1`

90. Cho biết ý nghĩa của một mục từ crond như sau: `10 5 * * * /bin/foo`

- a. Thực thi /bin/foo vào lúc 10:05 sáng mỗi ngày
- b. Thực thi /bin/foo vào 10 tháng 5 hàng năm
- c. Thực thi /bin/foo vào lúc 5:10 sáng mỗi ngày
- d. Không câu nào đúng

91. Để xem thông tin về phần chia đĩa cứng trên hệ thống, ta dùng lệnh:

- a. `fdisk /dev/had`
- b. `fdisk /dev/sc`
- c. `list /dev/had`
- d. `fdisk -l`

92. Để kiểm tra dung lượng đĩa cứng còn trống, ta dùng lệnh:

- a. `du -a`
- b. `df -a`
- c. `df`
- d. `du`

93. Để kết thúc tiến trình có PID=1, ta thi hành lệnh:

- a. `kill -15 1`
- b. `kill -9 1`
- c. `kill -p 1`
- d. Không có lệnh nào

94. Thư mục /dev chứa:

- a. Các tập tin dùng phát triển hệ thống
- b. Các tập tin rác, tạm thời
- c. Các tập tin đại diện trạng thái hiện hành của hệ thống
- d. Các tập tin đại diện thiết bị

95. Để tạo thêm một địa chỉ IP 192.168.10.5/24 cho giao tiếp mạng eth0, ta dùng lệnh

- a. `alias eth0 192.168.10.5 up`
- b. `ifconfig eth1:0 192.168.10.5 netmask 255.255.255.0 up`

- c. ifconfig eth0:0 192.168.10.5
- d. if-cfg eth0:0 192.168.10.5

96. Trong tập tin khai báo các tham số cho zone, bản ghi SOA:

- a. Bắt buộc phải có
- b. Được đặt tùy ý trong tập tin
- c. Được phép khai báo nhiều lần
- d. Tất cả đều đúng

97. Để sao chép tất cả nội dung có trong thư mục /dir vào thư mục /tmp, thi hành lệnh:

- a. cp -r /dir /tmp
- b. cp -a /dir /tmp
- c. cp --parents /dir /tmp
- d. Tất cả đều đúng

98. Chương trình nào dùng để kiểm tra cấu hình dịch vụ DNS?

- a. dnscheck
- b. BIND
- c. nslookup
- d. resolve

99. Trong tập tin "httpd.conf" khai báo nào dưới đây là sai:

- a. Alias /image/ /ftp/pub
- b. DocumentRoot /var/www/html
- c. ServerRoot /etc/httpd
- d. DirectoryIndex index.cgi

100. Lệnh nào dùng để xóa toàn bộ thư mục /dir

- a. rm -f /dir
- b. rm -r /dir
- c. rmdir /dir
- d. rmdir -p /dir

101. Để tìm tất cả các sự khác nhau giữa hai tập tin, ta dùng lệnh:

- e. cmp
- f. diff
- g. wc
- h. Tất cả đều sai

102. Cấu trúc inode trong extfs, bao gồm:

- a. 10 con trỏ
- b. 13 con trỏ
- c. 16 con trỏ
- d. Không câu nào đúng

103. Lệnh nào dùng để liệt kê danh sách tất cả các tập tin có tên phần mở rộng không chứa các ký tự trong khoảng từ "x" đến "w" trong thư mục hiện hành

- a. ls *.!x | .!w
- b. ls *.[!x-w]
- c. ls !*.[xz]
- d. ls *.[!xw]

104. Để tạo tài khoản người dùng "abc" là thành viên của nhóm "group", ta dùng lệnh:

- a. useradd -g group abc
- b. useradd -G group abc
- c. useradd -m group abc
- d. useradd group abc

105 : Có ít nhất bao nhiêu partition cần được tạo ra khi ta cài đặt LINUX

- a. 1
- b. 2
- c. Lớn hơn 2

106 : File nào trong số các file dưới đây chứa các biến môi trường khi sử dụng Bash Shell

- a. ~/.profile
- b. /bash
- c. /etc/profile
- d. ~/bash

107 :Tất cả các nhóm được liệt kê trong file /etc/group .Mỗi một nhóm được thể hiện trên một dòng.Hãy xác định trật tự đúng của các trường trên thực thể này :

- a. groupname, password, GID, member list
- b. GID, groupname, password, member list
- c. groupname, GID, password, member list
- d. GID, member list, groupname, password

108 : Bạn sử dụng lệnh sau useradd -m sapa song user sapa không đăng nhập vào được.Để đăng nhập được ta phải làm gì ?

- a. Cần đăng ký mật khẩu cho user sapa bằng lệnh password sapa
- b. Phải tạo thư mục home cho sapa và tạo quyền cho phép truy cập.
- c. Bạn cần biên tập lại file /etc/passwd và đăng ký shell cho account sapa
- d. Tên người dùng nhỏ hơn 5 ký tự.

109: Bạn tạo một user sinhvien mới bằng cách thêm vào /etc/passwd file một dòng như sau

```
sinhvien:abcdef:501:501:tensinhvien:/home/sinhvien:/bin/bash
```

Sau đó sinh vien gặp bạn và nói không logon vào hệ thống được. Bạn kiểm tra và thấy tên user và mật khẩu đều đúng .Điều gì đã xảy ra?

- a. UID và GID giống nhau
- b. Bạn không gõ khoảng trống hoặc ngoặc kép vào những vị trí cần thiết.
- c. Bạn không thể nhập mật khẩu trực tiếp .Cần dùng lệnh passwd command để đăng ký mật khẩu cho user.
- d. Tên người dùng quá ngắn, tối thiểu nó phải có độ dài 6 ký tự.

110 : Mở file /etc/passwd ta thấy có các dòng .Trật tự nào sau đây của các trường là đúng:

- a. username, UID, GID, home directory, command, comment
- b. username, UID, GID, comment, home directory, command
- c. UID, username, GID, home directory, comment, command
- d. username, UID, group name, GID, home directory, comment

111 : Bạn có một máy tính và đang cài Windows98 và muốn cài thêm Linux trên đó song bạn không còn đủ không gian đĩa cứng để cài đặt.Bằng cách nào tối ưu nhất

bạn có thể thực hiện công việc trên

- Sử dụng Disk Manager để thay đổi lại kích thước (resize) của partition chứa Windows 98.
- Phân hoạch lại đĩa cứng từ đầu; cài lại Windows 98 và sau đó cài Linux.
- Không thể cài Windows 98 và Linux trên cùng một máy tính.
- Tạo một directory trong Windows 98 và cài Linux vào directory này.

112 :Bạn đang cài Linux lên máy tính của bạn.Bạn muốn có 5 partitions khác nhau và đã tạo ra được 4 partition.Còn partition thứ 5 không cách nào tạo ra được.Điều gì đã xảy ra :

- Hard drive của bạn không đủ chỗ để tạo hơn 4 partition.
- Bạn phải tạo swap partition .
- Bạn đã tạo ra 4 primary partitions.
- Linux không cho phép tạo hơn 4 partitions.

113 : Quan sát file /etc/passwd , bạn thấy trong trường password chứa ký hiệu 'x'. Ý nghĩa của ký tự này là gì?

- Password đã được mã hoá.
- Bạn đang sử dụng shadow password.
- Tất cả passwords đều rỗng.
- Tất cả passwords đều hết hạn.

114 : Sau khi Dung rời khỏi công ty ,bạn dùng lệnh userdel dung để xoá user này.Mẫu tin của user này trong file etc/passwd bị xoá , tuy vậy trong home directory có thể vẫn còn thư mục của user này. Bạn có thể dùng lệnh nào sau đây để khẳng định home directory cũng đã bị xoá?

- userdel -m dung
- userdel -u dung
- userdel -l dung
- userdel -r dung

115 : Bạn Dung có username là sapa.Bạn ấy nói rằng quên mật khẩu đăng nhập.Lệnh nào sẽ giúp bạn Dung reset lại mật khẩu của mình.

- passwd Dung
- resetpasswd
- su sapa
- passwd sapa

116 : File nào xác định tất cả các user trên hệ thống của bạn

- /etc/passwd
- /etc/users
- /etc/password
- /etc/user.conf

117 : Những user name nào sau đây không đúng

- Theresa Hadden
- thadden
- TheresaH
- T.H.

118 : Dung lượng nhỏ nhất cho phép đối với các swap partition là :

- 16 MB
- 64 MB

- c. 128 MB
- d. 256 MB

119 : Máy tính của bạn có hai ổ đĩa cứng IDE và bạn đang cài Linux trên chúng. Mỗi đĩa cứng bạn chia thành hai partitions .Các partition trên máy của bạn có tên là gì :

- a. hda1, hda2, hda3, hda4
- b. hda1, hda2, hdb1, hdb2
- c. sda1, sda2, sda1, sdb2
- d. sda1, sda2, sda3, sda4

120 .Hãy cho biết chương trình sau đây xuất ra nội dung nào đúng :

```
#!/bin/sh
```

```
myvar="Chao ban"
```

```
echo $myvar
```

```
echo 'message : $myvar'
```

```
echo "message : $myvar"
```

```
echo "message : \ $myvar"
```

```
echo Nhap noi dung text
```

```
read myvar
```

```
echo '$myvar' se la $myvar
```

```
exit 0
```

a.

```
Chao ban
```

```
message : $myvar
```

```
message : Chao ban
```

```
message : $myvar
```

```
Nhap noi dung text
```

```
Mot ngay dep troi
```

```
$myvar se la Mot ngay dep troi
```

b.

```
message : $myvar
```

```
Chao ban
```

```
message : Chao ban
```

```
message : $myvar
```

```
Nhap noi dung text
```

```
Mot ngay dep troi
```

```
$myvar se la Mot ngay dep troi
```

c.

```
Nhap noi dung text
```

```
message : $myvar
```

```
message : Chao ban
```

```
message : $myvar
```

```
Chao ban
```

```
Mot ngay dep troi
```

```
$myvar se la Mot ngay dep troi
```

d.

```
Chao ban
```

```
Nhap noi dung text
```

```
message : $myvar
```

```
message : $myvar
```

```
message : Chao ban
```

1c	31c	61	92b
2d	32a	62	93b
3	33b	63c	94d
4	34a	64a	95b
5b	35b	65	96
6a	36	66a	97b
7b	37a	67d	98c
8b	38c	68d	9
9b	39b	69a	100b
10b	40b	70c	101 b
11d	41a	71a	102c
12d	42b	72a	103b
13a	43b	73c	104a
14a	44d	74b	105b
15c	45b	75c	106b
16c	46d	76d	107a
17 744	47d	77b	108a
18b	48	78a	109c
19a	49a	79a	110b
20d	50...	80b	111d
21b	51d	81d	112
22b	52b	82	113a
23c	53b	83a	114d
24b	54d	84a	115d
25a	55a	85d	116a
26b	56b	86b	117d
27a	57b	88	118a
28d	58	89	119b
29a	59c	90	
30a	60a	91d	

1. Để đọc thông tin chi tiết của chính thư mục /tmp/mydir, lệnh nào thích hợp :
 - a. Mdir /tmp/mydir
 - b. Mdir -l /tmp/mydir
 - c. Ls -l /tmp/mydir
 - d. Ls -ld / tmp/mydir
2. Để đọc thông tin của các tập tin và thư mục ẩn trong thư mục hiện hành, lệnh nào là thích hợp nhất :
 - a. Ls - l
 - b. Ls -ld
 - c. Ls -ad
 - d. Ls -al
3. Để xóa ký tự trống (space) cuối dòng, lệnh nào thích hợp :
 - a. sed ' &/d'
 - b. sed 's/ \$//'
 - c. tr -d ''
 - d. tr -d ` \$'
4. Để xóa ký tự Ascii[13] mà MSDOS thuuwongf dùng ở cuối dòng trong tập tin văn bản, lệnh có thể dùng thích hợp là :
 - a. Tr
 - b. Sed
 - c. Cả a và b đều đúng
 - d. Cả a và b đều sai
5. Lệnh sed `s/::/\t/' thực hiện
 - a. Đổi chuỗi :: thành dấu TAB
 - b. Đổi chuỗi :: thành kí tự t
 - c. Lệnh ko thực hiện được vì sai cú pháp
 - d. Cả 3 câu đều sai
7. Các hệ thống Unix dùng tập tin /etc/shadow để :
 - a. che dấu bớt thông tin nhạy cảm của người dùng trong tập tin /etc/passwd hầu tăng tính bảo mật của hệ thống.
 - b. sao lưu tập tin /etc/passwd để khi có sự cố hỏng tập tin này.
 - c. Lưu trữ thông tin in ấn riêng của hệ thống ko có liên quan đến người dùng.
 - d. Cả 3 câu đều sai
8. Theo mặc định của Red Hat (Fedora Core) sẽ lưu nhân (kernel) hệ điều hành và các tập tin cấu hình khởi động trong thư mục :
 - a. /usr/boot
 - b. /etc/boot
 - c. /etc
 - d. /boot
9. Tập tin chứa các thông tin về account trong hệ thống Unix được lưu trữ chủ yếu trong tập tin
 - a. /etc/passwd
 - b. /etc/shadow
 - c. /etc/group
 - d. /etc/systems
10. Trên Fedora Core các tập tin cấu hình liên quan đến chế độ đồ họa thường được lưu trong thư mục
 - a. /etc/graphical
 - b. /urc/graphical
 - c. /urc/X11
 - d. /etc/X11
11. Muốn khởi động hệ thống Linux vào chế độ login có màn hình đồ họa thì mức chạy (runlevel) tương ứng lúc đó phải là mức :

- a. 6
- b. 5
- c. 3
- d. 1

12. Trên Linux thường dùng để cấu hình và hiển thị thông tin của thiết bị mạng :

- a. ipconfig
- b. ifconfig
- c. netsetup
- d. winipcfg

13. Tùy chọn nào (option) cho phép người dùng thường khác root được phép mount một hệ thống thông tin khai báo trong /ect/ftab

- a. auto
- b. exec
- c. user
- d. cả 3 câu đều đúng

14. Để xóa ký tự trống (space) ở đầu dòng, lệnh nào thích hợp :

- a. sed '/^ /d'
- b. sed 's/^ //'
- c. tr -d ' '
- d. tr -d '^ '

15. Muốn hiệu chỉnh mức chạy (runlevel) khi khởi động hệ thống Linux, thì chúng ta phải hiệu chỉnh tập tin :

- a. /ect/boot.cfg
- b. /boot/grub/grub.conf
- c. /etc/inittab
- d. /etc/tinit.d/rc.sysinit

16. Trên hệ điều hành Linux, khi quên mật khẩu của root, ta phải :

cài đặt lại Linux

- a. khởi động lại hệ thống vào mức chạy 1 (runlevel 1), tạo lại mật khẩu mới cho root bằng lệnh passwd
- b. khởi động lại hệ thống vào mức chạy 1 (runlevel 1), tìm lại mật khẩu cũ trong etc/passwd
- c. khởi động lại hệ thống vào mức chạy 5 (runlevel 5), tạo lại mật khẩu mới cho root bằng lệnh passwd

17. Trên Fedora Core, tập tin cấu hình chỉ đường dẫn của các thư mục fonts của hệ thống là :

- a. /usr/X11/fonts/config
- b. /etc/X11/config
- c. /etc/X11/fs/config
- d. /urs/X11/fonts/fs/config

18. MYDIR là một thư mục . Lệnh chmod 640 MYDIR sẽ cho phép :
chủ nhân thư mục MYDIR có quyền đọc và ghi trên thư mục này.

Chủ nhân thư mục MYDIR ko có quyền đọc và ghi trên thư mục này.

Người thuộc nhóm liên kết thư mục MYDIR có quyền đọc trên thư mục này.

Cả 3 câu trên đều sai.

19. Lệnh "> myfile" làm điều gì :

- a. Xóa rỗng nội dung tập tin myfile nếu tập tin myfile tồn tại .
- b. Xóa rỗng nội dung thư mục myfile nếu thư mụcmyfile tồn tại .
- c. Xóa tập tin myfile nếu myfile tồn tại .
- d. Cả 3 câu đều sai

20. Lệnh gọi chương trình cấu hình DNS server trong hệ điều hành Linux là :

- a. system-config-dns
- b. system-config-domain

c. system-config-bind

d. system-config-network

21. Khi cài đặt Linux chúng ta cần ít nhất :

a. 1 phân vùng cơ bản (primary partition)

b. 2 phân vùng cơ bản

c. 2 phân vùng cơ bản hay luận lý (logical partition)

d. 2 phân vùng mở rộng (extended partition)

22 Muốn lệnh được thực thi tự động khi hệ thống boot, chúng ta có thể gọi lệnh trong tập tin :

a. /etc/rc.d/rc.local

b. /etc/rc.d/rc.sysinit

c. cả 2 câu đều đúng

d. cả 2 câu a và b đều sai

23. Sau khi cài đặt Linux dùng Boot Loader GRUB để quản lý MBR trên một ổ đĩa SATA, một người dùng cài lại Window XP trên một phân vùng khác và khi đó GRUB ko còn làm việc được nữa. Sau khi boot lại bằng đĩa mềm cấp cứu đã dự phòng, bạn có thể dùng lệnh gì để phục hồi GRUB

a. grub-install /dev/hda1

b. grub-install /dev/sda1

c. grub-install /dev/had

d. grub-install /dev/sda

24. Phần mềm mã nguồn mở mang ý nghĩa :

a. miễn phí ko tính tiền

b. phí sử dụng tùy người dùng muốn trả hay ko .

c. nhà cung cấp được quyền lấy tiền người dùng.

d. Người dùng được tự do hiệu chỉnh và phân phối lại.

25. Hệ điều hành Linux có thể được cài đặt trên các loại phân vùng

a. cơ bản (primary partition) và luận lý (logical partition).

b. Luận lý (logical partition) và mở rộng (extended partition).

c. cơ bản (primary partition) và mở rộng (extended partition).

d. Cả 3 câu trên đều sai.

26. Khi một host trong mạng TCP/IP được ấn định địa chỉ là 172.18.150.1 với subnet mask là 255.255.192.0 thì địa chỉ broadcast tương ứng là :

a. 172.18.255.255

b. 172.18.191.255

c. 172.18.127.255

d. 172.18.63.255

27. Để dùng được đĩa mềm MSDOS trên Linux, chúng ta có thể :

a. mount hệ thống tập tin của đĩa mềm này và sau đó dùng tập lệnh mtools.

b. Sử dụng tập lệnh mtools mà ko cần mount hệ thống tập tin của đĩa mềm này.

c. Mount hệ thống tập tin của đĩa mềm này và dùng tập lệnh truy cập của Unix hay ko mount hệ thống tập tin của đĩa mềm này mà chỉ dùng tập lệnh mtools.

d. Cả 3 câu đều sai

28. Bạn dùng đĩa mềm kiểu MSDOS qua cách mount vào hệ thống thông tin Unix để chép một tập tin và sau đó mang qua máy khác sử dụng MS windows thì phát hiện tập tin ko có trên đĩa mềm này. Theo bạn thì lý do nào đúng nhất.

a. đĩa mềm MSDOS bị hư hỏng nên ko còn dữ liệu.

b. hai ổ đĩa trên 2 máy ko tương thích.

c. Bạn mount hay unmount chưa đúng cách.

d. Ko thể mount đĩa MSDOS trên hệ thống thông tin Unix.

30. Trong quá trình cài đặt Linux trên một ổ đĩa IDE mới hoàn toàn, hệ thống đã tạo ra được 6 phân vùng. Có 1 phân vùng mà bạn có thể gán cho nó như một hệ thống tập tin là :

- a. /dev/hda5
- b. /dev/hda6
- c. /dev/hda1
- d. /dev/hda4

31. Tập tin cấu hình cho Boot Loader GRUB là tập tin:

- a. /etc/boot/grub.conf
- b. /boot/grub/grub.conf
- c. /boot/grub.conf
- d. /etc/grub.conf

32. Sau khi cài đặt xong Fedora, bạn muốn cài đặt thêm một phần mềm đóng gói sẵn dạng *.rpm thì lệnh nào dùng để thực hiện :

- a. rpm-q
- b. rpm-c
- c. rpm-e
- d. rpm-i

33. Lệnh nào sau đây cài đặt gói "jdk-1_5_0_09-linux-i586.rpm"

- a. rpm -i jdk-1_5_0_09
- b. rpm -I jdk-1_5_0_09-linux-i586
- c. rpm -i idk-1_5_0_09-linux-i586.rpm
- d. rpm -I jdk-1_5_0_09-linux-i586.rpm

34. Để chuyển từ máy ảo virtual console text mode hiện hành sang virtual console số 5, bạn nhấn tổ hợp phím nào :

- a. CTRL-ALT-5
- b. ALT-F5
- c. CTRL-F5
- d. ALT-5

35. Linux là 1 loại hệ điều hành của Unix, hỗ trợ đa người dùng và đa tác vụ, nhưng xuất phát thì Linux bắt đầu từ mô hình của hệ điều hành:

- a. MSDOS
- b. Minix
- c. BSD Unix
- d. AIX (IBM Unix)

36. Trong quá trình boot, nhân của hdh Linux gọi chương trình init, init sẽ thực hiện đầu tiên chương trình :

- a. /etc/rc.d/rc.sysinit
- b. /etc/rc.d/rc.local
- c. /etc/inittab
- d. /etc/rc.d/initdefault

37. Để thay đổi thông tin về việc mount một hệ thống tập tin cục bộ, bạn phải hiệu chỉnh tập tin :

- a. /etc/filesystems
- b. /etc/fstab
- c. /etc/passwd
- d. /etc/shadow